

TOÀ ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **38/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 15/6/2018

V/v tranh chấp **“Ly hôn”**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xoa

Ông Huỳnh Thanh Trà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Nhã Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 15/6/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2017/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2017 về tranh chấp **“Ly hôn”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 24/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: ông Nguyễn Đức D.**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: KP 2, TT HV, huyện DH, tỉnh PY. **Có mặt**

*** Bị đơn: bà Huỳnh Thị T.**, sinh năm 1967.

Trú tại: 63 – ĐĐ, quận HC, thành phố ĐN. **Vắng mặt lần 2**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Nguyễn Đức D. trình bày:** Ông và bà Huỳnh Thị T. xây dựng gia đình với nhau vào tháng 01 năm 1989, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th.T, quận HC, thành phố ĐN. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa chỉ 63 – ĐĐ, quận HC, thành phố ĐN.

Trong quá trình chung sống, ông D. cho rằng do ông công tác trong quân đội và đóng quân tại địa bàn tỉnh PY, còn bản thân bà T. ở tại ĐN, ông cũng nhiều lần mong muốn bà T. vào để vợ chồng gần gũi và cùng nhau xây dựng hạnh phúc nhưng bà T. không đồng ý, dẫn đến đời sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, luôn bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông D. và bà T. đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay ông D. thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Huỳnh Thị T..

* Về con chung: Quá trình chung sống ông Nguyễn Đức D. xác định ông và bà Huỳnh Thị T. có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đức A., sinh ngày 03/5/1992 và Nguyễn Thị Linh Đ., sinh ngày 11/3/1997. Do các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên muốn ở với ai là tùy các con.

* Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đức D. xác định không có tài sản chung.

* Về nợ chung: Ông Nguyễn Đức D. xác định không có nợ chung và cũng không ai nợ ông bà.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và giấy triệu tập cho bị đơn là bà Huỳnh Thị T., nhưng tại phiên tòa vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị T. đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần 2, nhưng vắng mặt không lý do, vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Huỳnh Thị T..

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Đức D. và bà Huỳnh Thị T. kết hôn vào năm 1989, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th.T, quận HC, thành phố ĐN, hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, ông Nguyễn Đức D. cho rằng do ông công tác và đóng quân tại địa bàn tỉnh PY, còn bản thân bà T. ở tại ĐN, ông cũng nhiều lần mong muốn bà T. vào PY để vợ chồng gần gũi và cùng nhau xây dựng hạnh phúc nhưng bà T. không đồng ý nên đời sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, luôn bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông D. và bà T. đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đức D. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T..

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Đức D., HĐXX thấy rằng: Vợ chồng chung sống với nhau cần phải có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chia sẻ và cùng nhau xây dựng gia đình. Tuy nhiên, đối với trường hợp của ông bà từ năm 2008 đến nay thì mâu thuẫn của vợ chồng ông bà đã trở nên trầm trọng, dù cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, ông D. không còn tình cảm yêu thương bà T.. Bản thân ông công tác trong quân đội phải thường xuyên xa nhà và mong muốn bà T. vào PY sinh sống cùng ông nhưng không nhận được sự cảm thông và chia sẻ của bà T. nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Mặt khác, từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án cũng không nhận được ý kiến phản hồi của bà T., điều đó chứng tỏ bà cũng không mặn mà tha thiết, đoàn tụ với ông D.. Theo biên bản xác minh ngày 23/4/2018 của Tòa án thì bà Huỳnh Thị T. vẫn đang cư trú tại địa chỉ trên. Do vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D. đối với bà Huỳnh Thị T. là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống ông Nguyễn Đức D. xác định ông và bà Huỳnh Thị T. có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đức A., sinh ngày 03/5/1992 và Nguyễn Thị Linh Đ., sinh ngày 11/3/1997. Do các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên muốn ở với ai là tùy.

** Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Đức D. xác định ông và bà Huỳnh Thị T. không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không ai nợ ông bà.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Đức D. đối với bà Huỳnh Thị T.; Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ do đó cần chấp nhận.

Án phí hôn nhân gia đình ông Nguyễn Đức D. phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Nguyễn Đức D. đối với bà Huỳnh Thị T..

Xử: ** Về quan hệ hôn nhân:* ông Nguyễn Đức D. được ly hôn bà Huỳnh Thị T..

** Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

Án phí hôn nhân gia đình 300.000đ ông Nguyễn Đức D. phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001171 ngày 25/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

ĐỒNG XÉT XỬ

- Các đương sự (theo địa chỉ);

tọa phiên tòa

TM. HỘI

Thẩm phán - Chủ

- Viện KSND q. Hải Châu;
- Chi cục THADS q. Hải Châu;
- UBND p.Th.T, q.HC;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Hải

Vũ Hồng